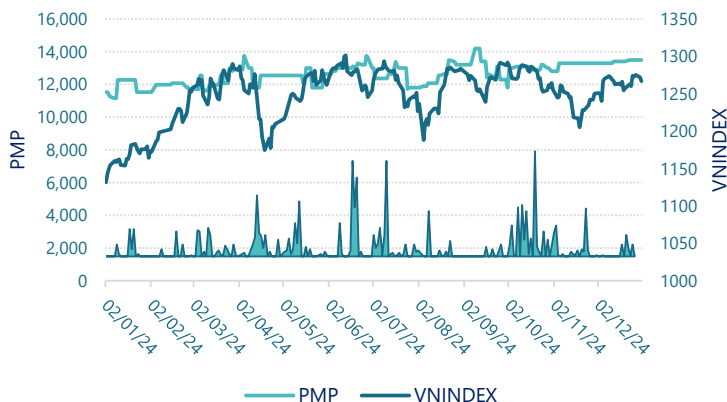




CTCP Bảo bì đệm Phú Mỹ (HNX: PMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,155
SL cổ phiếu LH	4,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	330
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57
P/E	7.7
EPS	1,762

DT thuần

Q4/24

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00 | 1.6%

YoY: ▲ 21.0 | 16.0%

LN sau thuế

Q4/24

1.73

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.13 | -7.2%

YoY: ▲ 0.87 | 101%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.5%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2024

611

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 73.0 | 13.5%

LN sau thuế

2024

7.40

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.10 | 1.4%

ROE

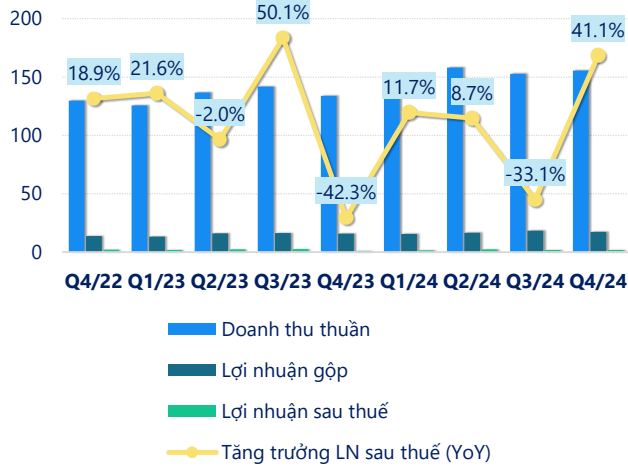
2024

10.6%

+/- YoY: ▼ 0.1%

tỷ VNĐ

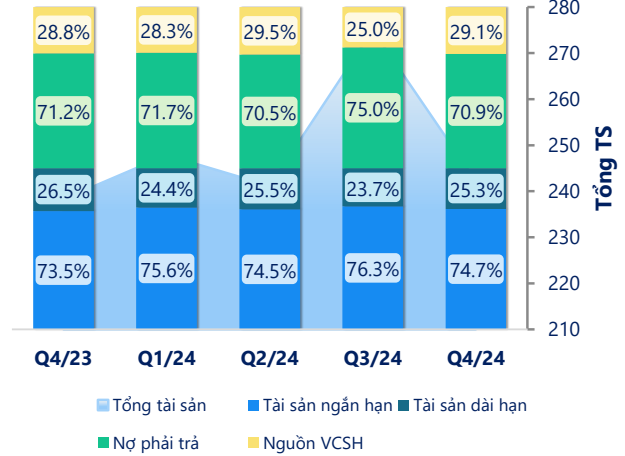
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

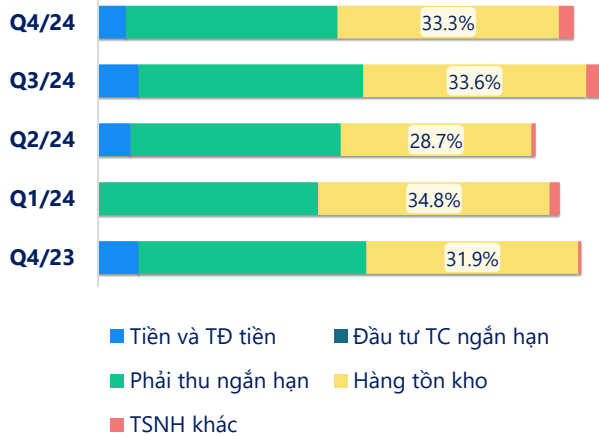
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



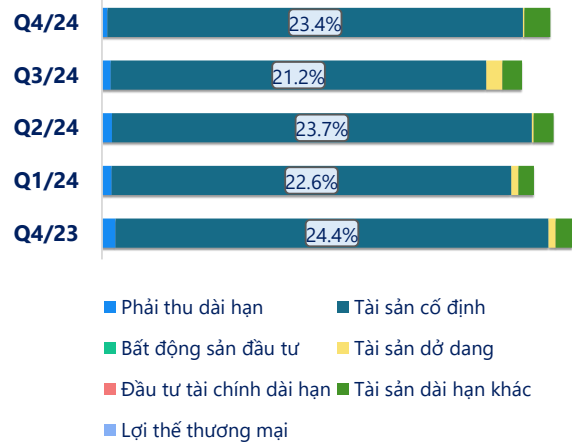
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

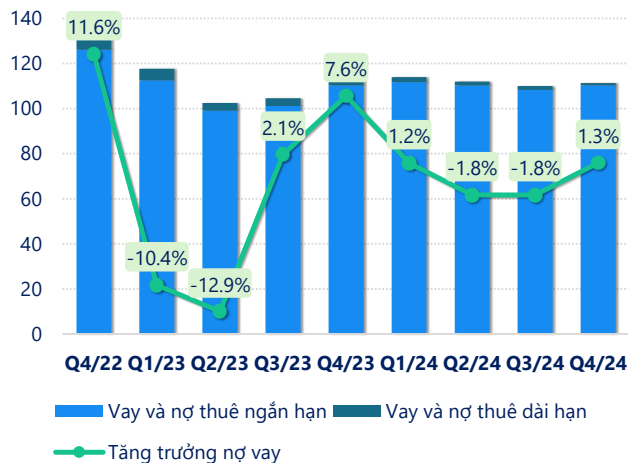
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

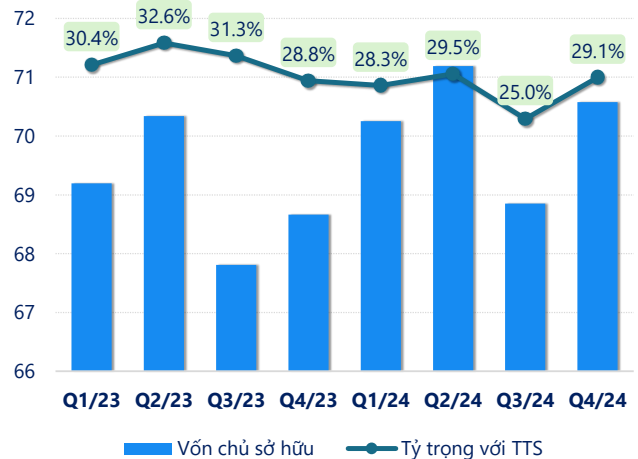
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

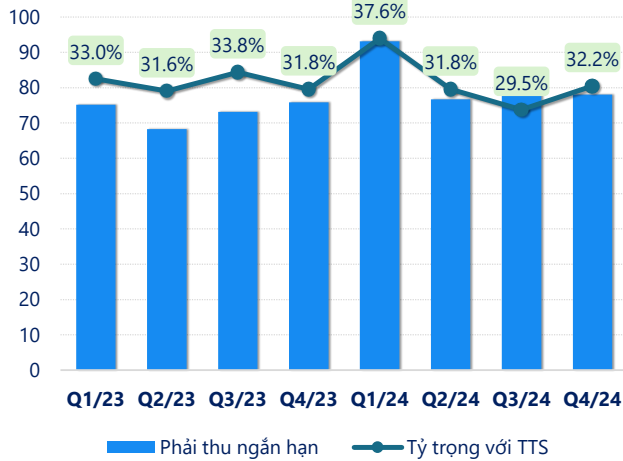
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



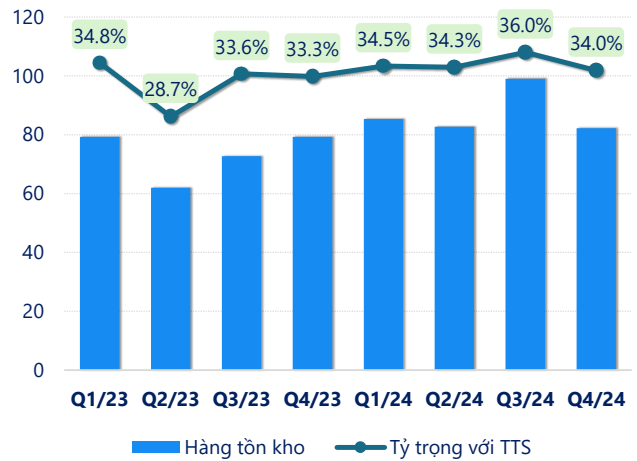
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


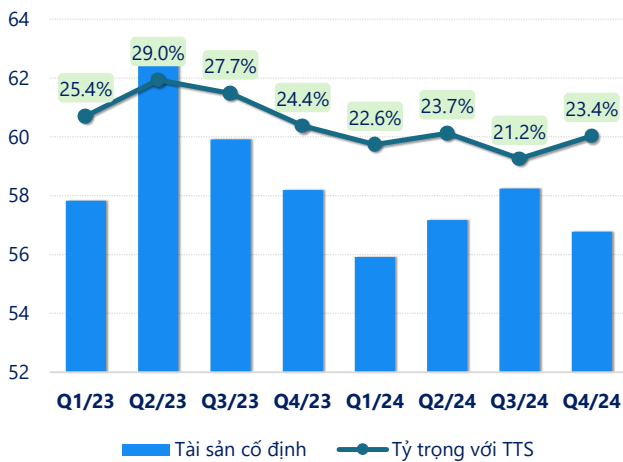
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


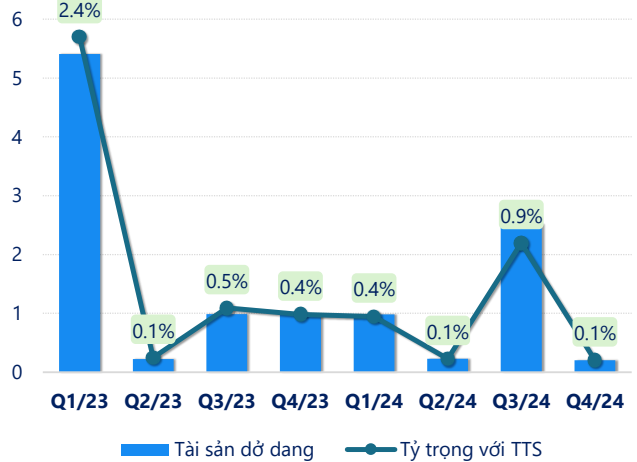
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

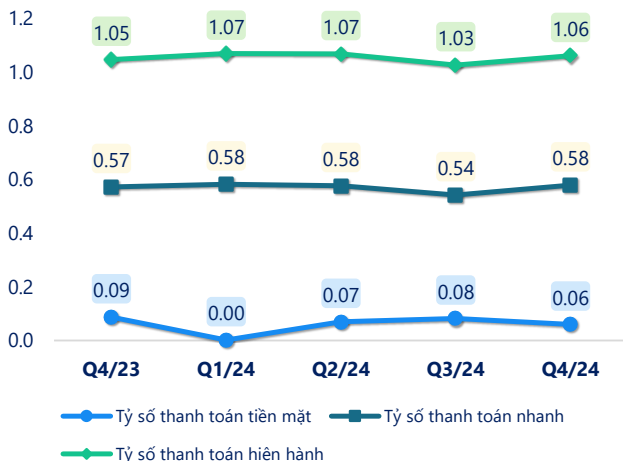
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

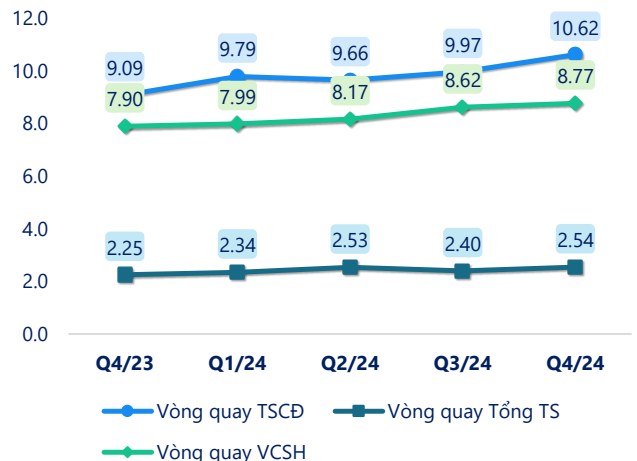
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	238	248	241	275	242
Tài sản ngắn hạn	175	187	180	210	181
Tiền và tương đương tiền	14.6	0.30	11.8	16.8	10.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	75.8	93.1	76.7	81.1	78.0
Hàng tồn kho	79.3	85.4	82.7	99.0	82.2
Tài sản ngắn hạn khác	5.39	8.61	8.46	12.9	10.5
Tài sản dài hạn	63.2	60.4	61.5	65.2	61.3
Phải thu dài hạn	1.83	1.34	1.34	1.38	0.75
Tài sản cố định	58.2	55.9	57.2	58.2	56.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.97	0.98	0.23	2.52	0.21
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.20	2.17	2.73	3.04	3.54
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	170	178	170	206	172
Nợ ngắn hạn	167	175	168	204	171
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	112	110	108	110
Phải trả người bán ngắn hạn	32.2	40.6	37.9	48.0	34.4
Nợ dài hạn	2.31	2.31	1.69	1.69	1.06
Vay và nợ thuê dài hạn	2.31	2.31	1.69	1.69	1.06
Nguồn vốn chủ sở hữu	68.7	70.3	71.2	68.9	70.6
Vốn chủ sở hữu	68.7	70.3	71.2	68.9	70.6
Vốn điều lệ	42.0	42.0	42.0	42.0	42.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)